

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 50/2019/TT-BTC

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2019

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn bán đấu giá lô cổ phần kèm nợ phải thu của
doanh nghiệp nhà nước có chức năng mua, bán, xử lý nợ**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp số 69/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tài chính doanh nghiệp,

Bộ Tài chính hướng dẫn bán đấu giá lô cổ phần kèm nợ phải thu của doanh nghiệp nhà nước có chức năng mua, bán, xử lý nợ theo quy định Nghị định số 32/2018/NĐ-CP như sau:

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Thông tư này hướng dẫn việc bán đấu giá lô cổ phần kèm nợ phải thu của doanh nghiệp nhà nước có chức năng mua, bán, xử lý nợ theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 29a Nghị định số 91/2015/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP).

2. Đối tượng áp dụng:

a) Doanh nghiệp nhà nước có chức năng mua, bán, xử lý nợ (sau đây gọi là doanh nghiệp mua bán nợ);

b) Công ty cổ phần (chưa niêm yết, đăng ký giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán; đã niêm yết, đăng ký giao dịch nhưng không thực hiện giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán) đồng thời có vốn góp và nợ phải thu của doanh nghiệp mua bán nợ;

c) Tổ chức đấu giá;

d) Nhà đầu tư tham gia mua lô cổ phần kèm nợ phải thu;

e) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động chuyển nhượng vốn kèm nợ phải thu.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. "Doanh nghiệp nhà nước có chức năng mua, bán, xử lý nợ": là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có chức năng mua, bán, xử lý nợ của doanh nghiệp với các tổ chức tín dụng và các tổ chức, cá nhân khác.

2. "Bán đấu giá lô cổ phần kèm nợ phải thu": là việc bán đấu giá đồng thời lô cổ phần và khoản nợ phải thu của doanh nghiệp mua bán nợ tại doanh nghiệp khác.

3. "Tổ chức đấu giá" bao gồm: Sở Giao dịch chứng khoán, công ty chứng khoán, trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản và doanh nghiệp đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản.

4. "Đấu giá không thành công" bao gồm các trường hợp sau:

a) Hết thời hạn đăng ký mà không có nhà đầu tư nào đăng ký tham gia đấu giá hoặc chỉ có 01 nhà đầu tư đăng ký tham gia đấu giá;

b) Sau khi nộp tiền đặt cọc đến hết thời hạn nộp phiếu tham dự đấu giá không có nhà đầu tư nào nộp phiếu tham dự đấu giá;

c) Không có nhà đầu tư nào trả giá tại cuộc đấu giá;

d) Tất cả các nhà đầu tư trả giá cao nhất bằng nhau đều từ chối mua hoặc từ chối bỏ phiếu kín;

đ) Nhà đầu tư trúng đấu giá nhưng từ chối mua;

e) Tất cả các nhà đầu tư vi phạm quy định của Quy chế đấu giá.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện và thẩm quyền quyết định

1. Việc bán đấu giá lô cổ phần kèm nợ phải thu của doanh nghiệp mua bán nợ thực hiện theo các nguyên tắc quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số

32/2018/NĐ-CP).

2. Doanh nghiệp mua bán nợ thực hiện chuyển nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu theo kế hoạch kinh doanh và phương án được Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty phê duyệt theo thẩm quyền quy định.

3. Khi xây dựng phương án bán đấu giá lô cổ phần kèm nợ phải thu, trường hợp giá trị chuyển nhượng dự kiến thu được thấp hơn giá trị ghi trên sổ sách kế toán của doanh nghiệp mua bán nợ và đã được trích lập dự phòng (cả phần vốn góp và phần nợ phải thu) thì việc quyết định phương án bán đấu giá lô cổ phần kèm nợ phải thu thực hiện như sau:

a) Nếu khoản dự phòng đã trích lập bằng hoặc lớn hơn chênh lệch giữa giá trị dự kiến thu được so với giá trị ghi trên sổ sách kế toán (cả phần vốn góp và phần nợ phải thu), Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty của doanh nghiệp mua bán nợ quyết định phương án bán đấu giá lô cổ phần kèm nợ phải thu;

b) Nếu khoản dự phòng đã trích lập nhỏ hơn chênh lệch giữa giá trị ghi trên sổ kế toán (cả phần vốn góp và phần nợ phải thu) với giá trị chuyển nhượng dự kiến thu được, sau khi báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu nguyên nhân phát sinh khoản chênh lệch để xem xét, xử lý trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan trong quản lý vốn đầu tư ra ngoài doanh nghiệp (nếu có), Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty của doanh nghiệp mua bán nợ quyết định phương án chuyển nhượng vốn kèm nợ phải thu theo hình thức bán đấu giá theo lô.

4. Toàn bộ số lượng cổ phần chào bán (toàn bộ hoặc một phần vốn góp tại doanh nghiệp) và khoản nợ phải thu kèm theo được xác định là một lô. Nhà đầu tư tham gia đấu giá phải mua cả lô cổ phần kèm nợ phải thu. Công ty cổ phần có vốn góp và nợ phải thu của doanh nghiệp mua bán nợ không được tham gia đấu giá cả lô cổ phần kèm nợ phải thu của chính doanh nghiệp mình. Nhà đầu tư tham gia đấu giá mua cả lô cổ phần kèm nợ phải thu không phải thực hiện thủ tục chào mua công khai.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Giá khởi điểm bán đấu giá lô cổ phần kèm nợ phải thu

Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty của doanh nghiệp mua bán nợ quyết định giá khởi điểm bán đấu giá lô cổ phần kèm nợ phải thu nhưng không thấp hơn giá khởi điểm lô cổ phần cộng với giá khởi điểm khoản nợ phải thu, cụ thể:

1. Giá khởi điểm lô cổ phần được xác định không thấp hơn giá trị của một cổ phần nhân với số lượng cổ phần chào bán theo lô và theo nguyên tắc quy định tại điểm c khoản 1 Điều 29 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ

sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP).

2. Giá khởi điểm khoản nợ phải thu không thấp hơn giá trị xác định lại do tổ chức có chức năng thẩm định giá thực hiện. Việc xác định giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về thẩm định giá và pháp luật có liên quan.

Điều 5. Tổ chức thực hiện đấu giá lô cổ phần kèm nợ phải thu

1. Doanh nghiệp mua bán nợ ký hợp đồng thuê tổ chức đấu giá để tổ chức bán đấu giá lô cổ phần kèm nợ phải thu.

2. Tổ chức đấu giá ban hành quyết định thành lập Hội đồng bán đấu giá. Chủ tịch Hội đồng bán đấu giá là đại diện của doanh nghiệp mua bán nợ.

3. Căn cứ Quy chế mẫu về bán đấu giá theo lô chuyển nhượng vốn nhà nước, vốn của doanh nghiệp nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành và các quy định tại Thông tư này, tổ chức đấu giá ban hành Quy chế bán đấu giá cả lô cổ phần kèm nợ phải thu sau khi thống nhất với doanh nghiệp mua bán nợ. Quy chế đấu giá phải bao gồm một số nội dung chính: quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn của các bên có liên quan trong quá trình thực hiện bán đấu giá; quy định về việc công bố thông tin cuộc đấu giá (nội dung công bố, phương tiện công bố); quy định đối tượng tham gia, thủ tục tham gia đấu giá, thông báo kết quả đấu giá (bao gồm nội dung thông tin: Thời hạn nộp tiền, nội dung nộp tiền, đơn vị thụ hưởng, địa chỉ, số tài khoản); giá khởi điểm của lô cổ phần kèm nợ phải thu; tiền đặt cọc và xử lý tiền đặt cọc; thủ tục chuyển quyền sở hữu cổ phần, chuyển quyền chủ nợ đối với khoản nợ, xử lý các trường hợp vi phạm.

Điều 6. Lập hồ sơ đấu giá lô cổ phần kèm nợ phải thu

1. Hồ sơ bán đấu giá lô cổ phần kèm nợ phải thu bao gồm:

a) Quyết định của cấp có thẩm quyền về phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn góp kèm nợ phải thu;

b) Tài liệu chứng minh doanh nghiệp mua bán nợ là chủ sở hữu hợp pháp với phần vốn góp tại công ty cổ phần;

c) Tài liệu liên quan đến khoản nợ: Biên bản đối chiếu công nợ tại thời điểm gần nhất với thời điểm công bố thông tin, trong đó bao gồm cả nợ gốc và nợ lãi (nếu có); Thông tin về tài sản bảo đảm khoản nợ (nếu có) và giá trị tài sản bảo đảm (giá trị sổ sách; giá trị định giá lại) và các tài liệu khác có liên quan đến khoản nợ (nếu cần);

d) Chứng thư thẩm định giá;

đ) Bản công bố thông tin theo mẫu quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 32/2018/NĐ-CP, trong đó bổ sung thông tin về khoản nợ bán kèm lô cổ phần gồm: giá trị khoản nợ (giá trị sổ sách, giá trị xác định lại), thông tin về tài